



Phụ lục 02: Danh mục thu hồi đất theo khoản 3 điều 62 Luật Đất đai 2013

(Kèm theo Nghị Quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND huyện Phước Sơn)

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích	Tăng thêm (ha)															Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
					Sử dụng vào loại đất																							
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai	415,02	0,10	414,92	1,71	4,13	74,03	73,70	0,63	179,81	0,94	0,03	6,67	0,05	1,22	5,24	0,26	1,96	5,86	58,68								
1.	Dự án thuộc ngân sách nhà nước	286,46	0,10	286,36	1,53	1,14	23,69	46,88	0,23	145,49	0,10		6,67	0,05		4,94	0,26	1,66	5,86	47,86								
SKN	Đất cụm công nghiệp	15,00		15,00	0,50					14,40	0,10																	
1	Cụm Công nghiệp - TTCN Đông Bắc thị trấn Khâm Đức	15,00		15,00	0,50					14,40	0,10										Khâm Đức	NQ số 35/NQ-HĐND ngày 09/11/2021 của HĐND huyện Phước Sơn (Biểu 2, Mục II, thứ tự 9)	Ngân sách Nhà nước	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022	
DGT	Đất giao thông	209,50		209,50	0,92	0,04	20,86	31,53	0,23	95,79			5,90			4,39	0,16	1,51	1,06	47,11								
2	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh (ĐH6-PS) (tên 2021: Đường giao thông Phước Chánh – Phước Năng (ĐH6-PS))	5,32		5,32	0,30		0,50	1,70		2,12					0,50		0,20				Phước Chánh	Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, NQ 20, từ 2020, 2021, 2022	
3	Đường giao thông nối xã Phước Năng - Phước Chánh (ĐH6-PS) (tên 2021: Đường giao thông Phước Chánh – Phước Năng (ĐH6-PS))	7,50		7,50	0,50		1,00	2,30		3,00					0,50		0,20				Phước Năng	Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt chủ trương đầu tư	Ngân sách tỉnh và huyện	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 73 ngày 8/12/2020	Chuyển tiếp từ 2019, NQ 20, từ 2020, 2021, 2022	
4	Đường vào khu sản xuất thôn 4	0,48		0,48			0,08	0,40													Phước Thành	QĐ số 1617/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND huyện Phước Sơn về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thuộc chương trình NTM năm 2020	Nông thôn mới	UBND xã	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022	
5	Kê sông Trường (đoạn qua xã Phước Hoà và xã Phước Hiệp), huyện Phước Sơn	0,50		0,50				0,45							0,05						Phước Hoà	QĐ số 3056/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh về	Ngân sách huyện, Ngân sách cấp trên	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021		chuyển tiếp từ 2022	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																	Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																								
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS	DCS									
	Km89+700, tỉnh Quảng Nam																			Hiệp; Phước Hòa		Bộ GTVT phê duyệt chủ trương đầu tư dự án							
11	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu bảo tồn văn hóa dân tộc Bhnoong (hướng tuyến đường Võ Nguyên Giáp)	0,20		0,20				0,20													Khâm Đức	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của UBND thị trấn Khâm Đức phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu bảo tồn văn hóa Bhnoong (hướng tuyến đường Võ Nguyên Giáp); Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thị trấn Khâm Đức về danh mục đầu tư công năm 2022			UBND thị trấn Khâm Đức	NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022			chuyển tiếp từ 2022, bổ sung 2022, NQ 34
12	Đường nối tuyến Võ Nguyên Giáp – Khu dân cư (khối 6 cũ) thị trấn Khâm Đức	2,52		2,52				0,06		1,50							0,06		0,90		Khâm Đức	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn bổ sung công trình khởi công mới năm 2022	Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn					đăng ký mới 2023
13	Nâng cấp đường Võ Nguyên Giáp	6,40		6,40				4,00		0,14			2,00				0,10		0,16		Khâm Đức	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn bổ sung công trình khởi công mới năm 2022	Vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đối ứng ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn					đăng ký mới 2023
14	Đường SX thôn 5 xã Phước Chánh(HM cống thoát nước, cấp phối từ bãi cát Ông Hạnh về đến nhà Nam Trường	1,50		1,50						1,50											Phước Chánh	Nghị Quyết HĐND xã số: 20 ngày 31/12/2021			UBND xã				đăng ký mới 2023
15	Đường SX thôn 5 về nước rú thôn 3	1,50		1,50						1,50											Phước Chánh	Nghị Quyết HĐND xã số: 20 ngày 31/12/2021			UBND xã				đăng ký mới 2023

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																							
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS
16	BTXM đường xương cá thôn 1,2,3 xã Phước Chánh (thôn 1)	0,20		0,20						0,20											Phước Chánh		Nghị Quyết HĐND xã số: 26 ngày 09/11/2022		UBND xã			đăng ký mới 2023
17	BTXM đường xương cá thôn 1,2,3 xã Phước Chánh(HM thôn 3)	0,80		0,80						0,80											Phước Chánh		Nghị Quyết HĐND xã số: 20 ngày 31/12/2021		UBND xã			đăng ký mới 2023
18	Đường sản xuất thôn 2 nối dài (đoạn còn lại trên nhà bà Hồ Thị Trang)	0,40		0,40				0,10	0,30												Phước Công		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023; NQ số:26/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND xã Phước Công về đầu tư công năm 2023	Ngân sách nhà nước				đăng ký mới 2023
19	Đường sản xuất liên xã Phước Đức – Phước Năng	3,44		3,44				0,44		3,00											Phước Đức		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn triển khai để hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn			đăng ký mới 2023
20	Đường vào khu sản xuất Xà Rã thôn 2 xã Phước Đức	0,30		0,30						0,20			0,10								Phước Đức		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 29/4/2022	NQ 88	UBND xã			đăng ký mới 2023
21	Cầu qua sông Trường và đường giao thông vào vùng sản xuất Phước Hòa – Phước Hiệp	8,50		8,50				0,06		8,40					0,04						Phước Hòa		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn triển khai để hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn			đăng ký mới 2023
22	Ngầm tràn sông nước Mỹ và đường vào khu sản xuất Cà Năng	8,40		8,40				0,70	0,30	4,40			3,00								Phước Hòa		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn triển khai để hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn			đăng ký mới 2023
23	Xây dựng nối tiếp đường vào khu sản xuất Đồi chày thôn 1 (giai đoạn 2)	0,30		0,30						0,30											Phước Hòa		Nghị quyết 21/HĐND xã ngày 12/7/2022					đăng ký mới 2023

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																	Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																							
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS	DCS								
51	Cấp điện thôn 1, thôn 4	0,01		0,01			0,01													Phước Đức	QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	UBND tỉnh	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		
52	Cấp điện thôn 2, thôn 3	0,01		0,01				0,01												Phước Hiệp	QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	UBND tỉnh	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		
53	Cấp điện thôn 1, thôn 2, thôn 3	0,01		0,01			0,01													Phước Kim	QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	UBND tỉnh	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		
54	Cấp điện thôn 3, thôn 1, thôn 2	0,04		0,04				0,01		0,03										Phước Lộc	QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	UBND tỉnh	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		
55	Cấp điện thôn 1, thôn 2, thôn 3	0,01		0,01				0,01												Phước Năng	QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp	UBND tỉnh	UBND huyện	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú				
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																										
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS			
																								điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020							
56	Cấp điện thôn 1, thôn 3	0,01		0,01				0,01													Phước Chánh		QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	UBND tỉnh	UBND huyện		NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		
57	Cấp điện thôn 1	0,01		0,01				0,01													Phước Công		QĐ 1256/QĐ-UBND 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	UBND tỉnh	UBND huyện		NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022		
ODT	Đất ở tại đô thị	7,80		7,80				2,30					0,60				0,10		4,80												
58	Khu tái định cư tập trung	0,30		0,30				0,30													Khâm Đức										Đăng ký mới 2023
59	Khu tái định cư phục vụ chỉnh trang thị trấn Khâm Đức	3,70		3,70				1,00					0,60				0,10		2,00		Khâm Đức		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn					Đăng ký mới 2023	
60	Khai thác quỹ đất dọc tuyến đường Võ Nguyên Giáp (đoạn từ giáp đường 12 tháng 5 đến đường Mai Thúc Loan)	3,80		3,80				1,00											2,80		Khâm Đức			Nguồn khai thác bán đấu giá quyền sử dụng đất của dự án	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn					Đăng ký mới 2023	
ONT	Đất ở tại nông thôn	31,10	0,10	31,00	0,11	1,00	1,57	9,56		18,02			0,11	0,05		0,44		0,13		0,01											
61	Khu tái định cư thôn 2, xã Phước Thành	2,50		2,50				0,06	2,38				0,01					0,05			Phước Thành		Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Phước Sơn về phê duyệt báo cáo	Ngân sách TW và Ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn		NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 25 ngày 19/4/2021		Chuyển tiếp từ 2021, 2022		

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													</

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																		Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																									
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS	DCS										
																								Son về việc quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án đầu tư công sử dụng ngân sách huyện						2022, NQ 34
68	Khu giãn dân thôn 2	1,00		1,00			0,10	0,50		0,40											Phước Năng		Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án đầu tư công sử dụng ngân sách huyện		BQL DA ĐTXD & PTQĐ huyện Phước Sơn	NQ 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022			Chuyển tiếp từ 2022, bổ sung 2022, NQ 34	
69	Khu tái định cư thôn 2	2,00		2,00						2,00											Phước Chánh					BQLDA huyện				Đăng ký mới 2023
70	Khu tái định cư thôn 1	3,00		3,00						3,00											Phước Chánh		Nghị Quyết HĐND huyện số: 35 ngày 09/11/2022. NQ 41 HĐND tỉnh		Ban Dân tộc tỉnh làm đầu tư					Đăng ký mới 2023
71	Khu giãn dân thôn 4 (thôn 8 cũ) xã Phước Hiệp	5,60		5,60	0,10		0,10	1,36		4,00						0,04					Phước Hiệp		Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn bổ sung công trình khởi công mới năm 2022	Vốn chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và đối ứng ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn				Đăng ký mới 2023	
72	Khu tái định cư, bố trí dân cư xã Phước Hiệp	1,00		1,00				0,80								0,20					Phước Hiệp		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn				Đăng ký mới 2023	
73	Khu tái định cư bố trí dân cư thôn 2 xã Phước Hòa	2,00		2,00						2,00											Phước Hòa		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 và đối ứng ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn				Đăng ký mới 2023	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																	Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																								
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS	DCS									
74	Khu giãn dân thôn Lao Mung, xã Phước Xuân	3,00		3,00			1,00	0,50		1,50											Phước Xuân		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Vốn ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn			Đăng ký mới 2023	
NTD	Đất nghĩa trang nghĩa địa	8,10		8,10		0,10	1,00	1,30		5,70																			
75	Nghĩa trang nhân dân thôn 1&2	0,70		0,70			0,50	0,20													Phước Thành		QĐ số 1617/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND huyện Phước Sơn về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư thuộc chương trình NTM năm 2020	Ngân sách TW, huyện và nhân dân đóng góp	UBND XÃ	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022	
76	Xây dựng mới nghĩa trang thôn 2 xã Phước Chánh	1,00		1,00						1,00											Phước Chánh		Nghị Quyết HĐND xã số:20 ngày 31/12/2021		UBND XÃ			Đăng ký mới 2023	
77	Xây dựng mới nghĩa trang thôn 5 xã Phước Chánh	0,50		0,50						0,50											Phước Chánh		Nghị Quyết số: 26 ngày 14/3/2022		UBND XÃ			Đăng ký mới 2023	
78	Xây dựng mới nghĩa trang thôn 3 (Tở 1, tở 2)	0,80		0,80						0,80											Phước Chánh		Nghị Quyết HĐND xã số: 20 ngày 31/12/2021		UBND XÃ			Đăng ký mới 2023	
79	Xây dựng nghĩa trang thôn 4 Tở 1, Tở 2	0,60		0,60						0,60											Phước Chánh		Nghị Quyết HĐND xã số: 20 ngày 31/12/2021		UBND XÃ			Đăng ký mới 2023	
80	Nghĩa trang thôn 2	1,00		1,00			0,50	0,50													Phước Hiệp		Công văn số: 07/VPĐPNTM	NTM	UBND xã			Đăng ký mới 2023	
81	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn 1 Phước Hòa	1,00		1,00						1,00											Phước Hòa		Nghị quyết 21/HĐND xã ngày 12/7/2022					Đăng ký mới 2023	
82	Nghĩa trang nhân dân thôn 1	0,50		0,50						0,50											Phước Kim		Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/6/2022					Đăng ký mới 2023	
83	Nghĩa địa thôn 2	0,50		0,50						0,50											Phước Mỹ		Nghị Quyết 18/NQ-HĐMD ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Phước Mỹ					Đăng ký mới 2023	
84	Nghĩa trang nhân dân thôn 3 (thôn 4,5 cũ) xã Phước Năng	0,80		0,80						0,80											Phước Năng			Ngân sách nhà nước					Đăng ký mới 2023
85	Nghĩa trang nhân dân thôn 4	0,70		0,70		0,10		0,60													Phước Thành		NQ 16/2021 ngày 24/12/2021 của HĐND xã	NSNN					Đăng ký mới 2023

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																								
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS	
TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,03		0,03				0,02							0,01														
86	Trụ sở và hội trường UBND xã Phước Hòa	0,03		0,03				0,02							0,01						Phước Hòa		Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND huyện Phước Sơn	Vốn ngân sách huyện	Ban quản lý dự án ĐTXD&PT QĐ huyện Phước Sơn				Đăng ký mới 2023
2.	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước	128,56		128,56	0,18	2,99	50,34	26,82	0,40	34,32	0,84	0,03			1,22	0,30		0,30		10,82									
DNL	Đất năng lượng	128,56		128,56	0,18	2,99	50,34	26,82	0,40	34,32	0,84	0,03			1,22	0,30		0,30		10,82									
87	Lưới điện truyền tải 220KV thuộc Nhà máy thủy điện ĐăkMí 3	0,05		0,05				0,05													Phước Hòa		QĐ 1332/QĐ-UBND 30/3/2016 của UBND Quảng Nam điều chỉnh quy mô công suất dự án thủy điện Đăk Mí 3	Công ty IDICO-DAK MI 3	CTY IDICO	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020			Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022
88	TBA 110KV Phước Sơn, Quảng Nam và nhánh rẽ	0,81		0,81			0,07	0,24		0,46									0,04		Phước Hòa		QĐ 428/QĐ-EVNCPC 27/9/2019 của tổng công ty Điện lực miền trung vv phê duyệt báo cáo NCKT ĐTXD dự án; Quyết định số 4102/QĐ-EVNCPC ngày 23/8/2013 của Tổng công ty điện lực miền trung về việc giao quản lý dự án đầu tư xây dựng	Tổng công ty điện lực miền trung - Ban quản lý dự án lưới điện miền trung	Tổng công ty Điện Lực Miền Trung	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020			Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022
89	TBA 110KV Phước Sơn, Quảng Nam và nhánh rẽ	0,11		0,11			0,02	0,05		0,03									0,01		Phước Xuân		QĐ 428/QĐ-EVNCPC 27/9/2019 của tổng công ty Điện lực miền trung vv phê duyệt báo cáo NCKT ĐTXD dự án; Quyết định số 4102/QĐ-EVNCPC ngày 23/8/2013 của Tổng công ty	Tổng công ty điện lực miền trung - Ban quản lý dự án lưới điện miền trung	Tổng công ty Điện Lực Miền Trung	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020			Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																	Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																								
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS	DCS									
																							điện lực miền trung về việc giao quản lý dự án đầu tư xây dựng						
90	TBA 110KV Phước Sơn, Quảng Nam và nhánh rẽ	0,79		0,79	0,18		0,03	0,50		0,04									0,04	Khâm Đức		QĐ 428/QĐ-EVNCPC 27/9/2019 của tổng công ty Điện lực miền trung vv phê duyệt báo cáo NCKT ĐTXD dự án; Quyết định số 4102/QĐ-EVNCPC ngày 23/8/2013 của Tổng công ty điện lực miền trung về việc giao quản lý dự án đầu tư xây dựng	Tổng công ty điện lực miền trung - Ban quản lý dự án lưới điện miền trung	Tổng công ty Điện Lực Miền Trung	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020	NQ 40 ngày 6/12/2018	Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022		
91	Dự án thủy điện Nước Chè, hạng mục: Lòng hồ; khu phụ trợ đập chính; kênh dẫn PM	84,41		84,41		2,15	39,40	14,84		19,05	0,84								8,13	Phước Mỹ		Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2020); Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Nam; Giấy chứng nhận đầu tư số 38/CN-UBND 12/09/2011 của UBND tỉnh QN	Vốn doanh nghiệp Cty CPTĐ Nước Chè	CTY CP TĐ NƯỚC CHÈ	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, 2020, 2021, 2022		
92	Dự án thủy điện Nước Chè, hạng mục: Kênh dẫn PN; khu phụ trợ nhà máy, Đập phụ; Đường vào nhà máy	31,15		31,15		0,84	10,51	6,78		10,99		0,03			0,30				1,70	Phước Năng		NQ 20/NQ-HĐND 03/10/2019 bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019; GCN ĐKĐT -	Vốn doanh nghiệp Cty CPTĐ Nước Chè	CTY CP TĐ NƯỚC CHÈ	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2019, từ 2020, 2021, 2022		

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																							
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS
																						Mã số dự án 240715623 – Dự án Thủy điện Nước Chè – GCNĐKĐT Điều chỉnh lần 2 ngày 07/9/2017 của Sở KH&ĐT Quảng Nam cấp; Giấy chứng nhận đầu tư số 38/CN-UBND 12/09/2011 của UBND tỉnh QN; Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2020); Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Nam						
93	Đường dây 110kv thủy điện nước chè	0,01		0,01						0,01										Phước Năng		GCN ĐKĐT - Mã số dự án 240715623 – Dự án Thủy điện Nước Chè – GCNĐKĐT Điều chỉnh lần 2 ngày 07/9/2017 của Sở KH&ĐT Quảng Nam cấp; Giấy chứng nhận đầu tư số 38/CN-UBND 12/09/2011 của UBND tỉnh QN; Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm	Cty Nước Chè	CTY CP TĐ NƯỚC CHÈ	NQ 85/NQ-HĐND ngày 8/12/2021; NQ 73 ngày 8/12/2020		Chuyển tiếp từ 2020, 2021, 2022	

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														

TT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích đăng ký 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)																Địa điểm cấp xã	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	SKC	DGT	DTL	DNL	ONT	ODT	SON	BCS									DCS																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					